TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1335**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huỳnh.

Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 650/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 5013/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Phan Thị Ngọc M, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: đường N, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn:*

Ông F, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Quốc tịch: Pháp
Địa chỉ: Pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc M trình bày:

Bà và ông F tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 3534 quyển số 13 ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006. Do vợ chồng bà không hòa hợp, mâu thuẫn liên tục xảy ra và tình trạng này kéo dài không có hướng giải quyết dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông F sống ở hai nơi khác nhau, thực tế đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông F.

Về con chung: Bà và ông F không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án về việc tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc M vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, bị đơn ông F có đơn xin vắng mặt gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản do Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp xác nhận chữ ký ngày 06 tháng 7 năm 2017), bị đơn trình bày: Ông và bà Phan Thị Ngọc M đã sống chung với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 3534 quyển số 13 ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006. Ông xác nhận giữa vợ chồng ông có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông sinh sống và làm việc tại Pháp liên tục trong suốt 05 năm gần đây và hoàn toàn không lo lắng gì cho bà M ở Việt Nam. Cuộc sống hôn nhân đã rạn nứt tới mức không thể cứu vãn được nên bà Phan Thị Ngọc M khởi kiện đơn phương yêu cầu ly hôn với ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông không thể sắp xếp công việc để về Việt Nam được nên xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án của Tòa án. Bị đơn không trình bày hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề con chung và tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông F đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng là ông Nguyễn Hữu M (Theo giấy ủy quyền lập ngày 04 tháng 7 năm 2017, được Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp xác nhận chữ ký ngày 06 tháng

7 năm 2017); Đến ngày mở phiên tòa như đã định, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ từ bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông F hiện đang cư trú tại Pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi và bị đơn vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai; bị đơn đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về một phần nội dung vụ án, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông F hiện đang định cư ở nước ngoài, đã có người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, văn bả trình bày ý kiến của bị đơn và giấy chứng nhận kết hôn số 3534 quyển số 13 ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006, có

cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Phan Thị Ngọc M với ông F được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì cuộc sống hôn nhân giữa hai người chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, ông F đang sinh sống và làm việc tại Pháp còn bà M sinh sống tại Việt Nam. Cả nguyên và bị đơn đều xác nhận việc sống xa cách trong một thời gian dài làm cho mâu thuẫn phát sinh, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Bà Phan Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông F.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, cuộc sống chung vợ chồng giữa nguyên và bị đơn thực tế không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không thể giải quyết. Hai người đã không còn liên lạc với nhau, không có điều kiện để chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ những vấn đề trong đời sống hôn nhân. Xuất phát từ yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Phan Thị Ngọc M được ly hôn với ông F.

Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc M xác định giữa bà và ông F không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc M:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị Ngọc M được ly hôn với ông F.

Giấy chứng nhận kết hôn số 3534 quyển số 13 ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc M xác định giữa bà và ông F không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0047209 ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà M đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phan Thị Nghĩa	**Trần Huỳnh**	**Nguyễn Văn Tuấn**